TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2024/DS-ST
Ngày: 31/07/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Thành

2. Bà Trần Thị Sẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2024/QĐ-ST ngày 03 tháng 07 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Trụ sở chính: số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền khởi kiện: Ông Võ Hoàng H – Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện M.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Kiều O – TP Khách hàng Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện M; (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Kiều O trình bày:

Ông Phạm Hoàng D có vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M theo các Hợp đồng sau:

Khoản vay thứ nhất:

Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022

Số tiền vay: 120.000.000 đồng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò

Kỳ hạn trả nợ: Phân thành 02

Kỳ 1 ngày 09/11/2023 trả gốc 40.000.000 đồng

Kỳ 2 ngày 09/11/2024 trả gốc 80.000.000 đồng

Lãi suất: 11,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi

Lãi suất quá hạn:150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng trên cho ông D.

Khoản vay thứ hai:

Số hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành.

Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3, Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định khách hàng vay phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 20/10/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay ông D đã giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 803006, số vào sổ cấp GCN: CS09036 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Hoàng D ngày 14/09/2022 đối với thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ngày 09/11/2023 phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi vay nhưng ông D không trả được.

Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà của ông D để yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông D không có nhà và cũng không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Hiện nay, ông D đã vi phạm hợp đồng tín dụng do vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tạm tính đến ngày 31/7/2024 ông D còn nợ lại Ngân hàng số tiền cụ thể:

Theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng.

Số tiền thẻ Lộc Việt: 37.852.192 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2024 theo Hợp đồng tín dụng số:

7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng; Số tiền thẻ Lộc Việt là 37.852.192 đồng.

Buộc ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre trong vụ án này.

Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn ông Phạm Hoàng D đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông D không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Bị đơn ông Phạm Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 91, Đều 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Hoàng D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 169.547.425 đồng trong đó: Theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng. Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022 số tiền 37.852.192 đồng.

Buộc ông Phạm Hoàng D phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; Quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Phạm Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lí do, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng cho rằng, ông D có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022, với thỏa thuận:

Số tiền vay: 120.000.000 đồng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò.

Kỳ hạn trả nợ: phân thành 02

Kỳ 1 ngày 09/11/2023 trả gốc 40.000.000 đồng

Kỳ 2 ngày 09/11/2024 trả gốc 80.000.000 đồng.

Ngân hàng đã phát hành thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022, thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành.

Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho bên vay theo các hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã không thực hiện đúng thỏa thuận làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán nợ.

Chứng cứ Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022; báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202206550 ngày 09/11/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông D đến tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Đồng thời, ông D cũng đã được tống đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối gì đối với các chứng cứ này.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022 thì ông D có ký tên xác nhận tại mục "Đại diện khách hàng", tại báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202206550 ngày 09/11/2022 thì ông D có ký tên tại mục "Bên vay" và tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022 thì ông D có ký tên tại mục "Bên B".

Như vậy, từ những chứng cứ trên xác định ông D có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022 và Hợp đồng phát hành

và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022. Tạm tính đến ngày 31/7/2024 thì ông D còn nợ lại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng; Số tiền thẻ Lộc Việt là 37.852.192 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022 được ký kết giữa Ngân hàng và ông D thể hiện:

Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 có nội dung:

Điều 6: Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn

1. Ngân hàng có quyền tạm ngừng cho vay hoặc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng trong các trường hợp sau:…

b) Khách hàng vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận…”

Tại khoản 2, Điều 8 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022 thể hiện:

“2. Tạm ngừng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ

Bên A có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ của bên B trong các trường hợp sau:

a) Sau 03 (ba) kỳ đến hạn thanh toán liên tiếp, bên B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu.

b) Bên B vi phạm các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng đã ký…”

Như vậy, theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt đã ký kết thì ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 09/11/2023 và không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán khoản nợ gốc, lãi trước hạn là có căn cứ chấp nhận.

Số tiền gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2024 theo Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng; Số tiền thẻ Lộc Việt là 37.852.192 đồng. Do đó, buộc ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền này.

Ngân hàng yêu cầu ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ. Nội dung này phù hợp với thỏa thuận giữa các nên được chấp nhận.

[2.2] Xét biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Để đảm bảo cho khoản vay ông D đã lập cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 20/10/2022 và giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 803006, số vào sổ cấp GCN: CS09036 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Hoàng D ngày 14/09/2022 đối với thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3, Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì việc Ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre của ông D là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nên không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm số tiền 8.477.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 4.060.000 đồng theo biên lai thu số 0005438 ngày 14/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 91, Đều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Phạm Hoàng D.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Phạm Hoàng D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 169.547.425 đồng trong đó:

Theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022: Số tiền gốc là 120.000.000 đồng; số tiền lãi là 11.695.233 đồng.

Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022 số tiền 37.852.192 đồng.

2. Buộc ông Phạm Hoàng D phải tiếp tục chịu tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày 11/11/2022 kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Đình chỉ thực hiện Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202203424 ngày 24/10/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103236002387 ngày

11/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M với ông Phạm Hoàng D.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Hoàng D phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 8.477.000 đồng.

H1 lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 4.060.000 đồng theo biên lai thu số 0005438 ngày 14/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến